TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV - HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2026

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh N.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn N1;

2. Bà Vũ Thị T.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị P - Thư ký Toà án nhân dân KV – Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV – Hưng Yên tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thảo Y - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nH dân KV – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2025/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn D, xã H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Vũ Đức H, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn D, xã H, tỉnh Hưng Yên.

Hiện cư trú tại: Tầng 5, số 4 - 43, đường B, quận T, thành phố C – Đài Loan.

(Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Vũ Phạm Gia H1, sinh ngày 14/02/2020.

HKTT: Thôn D, xã H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu H: Anh Vũ Đức H và chị Phạm Thị T là bố mẹ đẻ của cháu H1.

*Người làm chứng:*Ông Vũ Văn B, sinh năm 1959. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị Phạm Thị T và anh Vũ Đức H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên(nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 16/7/2018 theo quy định của pháp luật. Kết hôn được hai năm thì anh H ký hợp đồng xuất khẩu lao động tại Đài Loan thời hạn là 3 năm nhưng hết thời hạn đó anh H không về nước mà lại ký hợp đồng tiếp. Đến năm 2022, chị T ký hợp đồng lao động và cùng sang lao động tại công ty TNHH Doanh nghiệp Liên Hòa phát, Đài Loan với anh H. Khi anh chị cùng lao động tại một công ty thì cùng chung sống với nhau. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên anh chị không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, không chia sẻ được với nhau, không nói chuyệnvới nhau. Mỗi lần cả hai cố gắng nói chuyện chia sẻ với nhau thì lại lời qua tiếng lại, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa. Sau nhiều lần căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài, chị T và anh H không thể điều chỉnh được quan hệ, không duy trì được hôn nhân hạnh phúc, việc ai người đó làm, không bàn bạc làm ăn được với nhau, kinh tế của ai người đó quản. Đến tháng 7 năm 2025 chị T hết hợp đồng và không ký tiếp hợp đồng nữa mà chị xác định về nước để chăm sóc con. Khi chị T về nước cũng không thông báo hay bàn bạc gì với anh H. Anh H cũng không quan tâm rằng chị T về hẳn Việt Nam hay còn quay lại Đài Loan lao động. Anh H có về Việt Nam hay không anh H cũng không bàn bạc hay thông tin gì với chị T. Chị T và anh H đều không có ý kiến gì về việc đó vì giữa anh chị đều không quan tâm đến mọi việc của nhau. Chị T và anh H sống ly thân từ tháng 01/2025 cho tới nay. Hiện nay anh H vẫn lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Doanh nghiệp Liên Hòa Phát; Địa chỉ: Tầng 5, số 4 – 43, đường B, quận T, thành phố C, Đài Loan; Số điện thoại: 0903664879; Tài khoản Facebook là Vu Hoang. Chị T có muốn liên lạc với anh H thì cũng liên lạc qua số điện thoại hoặc Messenger Facebook này của anh H. Chị T quyết định về nước để chăm lo cho con còn anh H mặc nhiên như không có chị T và con. Chị T vừa đi làm vừa T trải cuộc sống cho con. Chị T và anh H có trao đổi để tìm cách tháo gỡ, động viên anh H về vợ chồng tập trung lo cho con nhưng anh H không không nghe.

Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh H, giữa anh chị không thể duy trì được hôn nhân hạnh phúc nên đề nghị Tòa án nhân dân KV - Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Vũ Phạm Gia H1, sinh ngày 14/02/2020. Hiện nay cháu H1 đang ở với chị T. Chị T đề nghị Tòa án giao chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H1 đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

- Về tài sản; Về công sức, công nợ, ruộng canh tác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H cư trú tại Đài Loan. Tuy nhiên, anh đã nhận được thông tin cũng như nội dung các văn bản về việc Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên thụ lý vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn với anh do gia đình anh nhận của Tòa án và thông báo cho anh. Anh H đã có văn bản trình bày ý kiến; Đơn đề nghị không tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt có chứng thực của Văn phòng Kinh tế - Văn Hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan(Trung Quốc) gửi qua dịch vụ bưu chính về cho mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị Đảng. Chị T đã trực tiếp giao nộp cho Tòa án nhân dân KV - Hưng Yên có sự chứng kiến của chị Trần Thị L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Tại văn bản trình bày quan điểm ý kiến của anh Vũ Đức H thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2018 theo quy định của pháp luật. Kết hôn được khoảng 2 năm thì anh H đi xuất khẩu lao động theo hợp đồng là 3 năm, hết thời hạn anh lại tiếp tục ký hợp đồng lao động mà chưa về nước. Đến năm 2022 thì chị T cũng ký hợp đồng lao động và cùng sang lao động tại công ty TNHH Doanh nghiệp Liên Hòa phát và chung sống với nhau. Do bất đồng quan điểm sống nên anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc, việc ai người đó làm, kinh tế độc lập. Đến tháng 7 năm 2025, chị T hết hợp đồng và quyết định về Việt Nam. Anh H cũng không có ý kiến gì vì giữa anh chị không quan tâm đến mọi việc của nhau. Anh và chị T sống ly thân khoảng 6 tháng. Anh H có suy nghĩ cố gắng sống và lao động ở Đài Loan một vài năm nữa để tích lũy kinh tế, để khi về có vốn làm ăn, phần vì thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn. Việc anh tiếp tục lao động tại Đài Loan mà chưa về Việt Nam anh cũng không bàn bạc gì với chị T, chị T cũng không có ý kiến gì. Anh H và chị T không quan tâm đến nhau và không liên lạc với nhau.

Anh H xác định, giữa anh và chị T có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống do anh chị có suy nghĩ và tính nết không hợp nhau, cuộc sống không có tiếng nói chung, không có tình cảm với nhau. Anh và chị T không thể chung sống cùng nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Phạm Gia H1, sinh ngày 14/02/2020. Hiện nay cháu H1 đang ở với chị T. Anh H đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho chị T được nuôi dưỡng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H có quan điểm, hiện anh đang lao động theo hợp đồng lao động tại Đài Loan, không thể về Việt Nam theo triệu tập của Tòa án để tham gia các phiên họp và xét xử theo quy định. Do đó, anh đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh tại tất cả các các giai đoạn của vụ án. Đề nghị Tòa án gửi các tài liệu, văn bản cho bố đẻ anh là ông Vũ Văn B; Địa chỉ: Đội 4, thôn D, xã H, tỉnh Hưng Yên. Ông B sẽ thông tin cho anh mọi vấn đề liên quan đến giải quyết vụ án.

*Xác minh tại UBND xã H, tỉnh Hưng Yên thể hiện:*Chị, anh H có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên(nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 16/7/2018.Theo Ủy ban nhân dân xã cung cấp: Sau khi kết hôn chị T, anh H có thời gian chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T, anh H đi xuất khẩu lao động từ rất lâu không sống ở địa phương nên anh chị có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được.Chị T, anh H đều có HKTT tại địa phương, hiện tại chị T vẫn sống ở địa phương, anh H vẫn sinh sống tại nước ngoài. Nay chị Phạm Thị T có đơn xin ly hôn với anh Vũ Đức H, quan điểm của UBND xã H, tỉnh Hưng Yên là đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

*Người làm chứng ông Vũ Văn B trình bày:*Anh H chị T kết hôn năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện. Anh H chị T sống với nhau một thời gian rồi anh H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, anh H đi được 02 năm thì chị T cũng sang Đài Loan và anh chị cùng làm một công ty. Anh chị không sống cùng với ông nên mâu thuẫn như thế nào thì ông không biết. Thời gian gần đây chị T về quê sống với con còn anh H vẫn sống ở Đài Loan. Chị T cũng về nói chuyện với gia đình ông về việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H. Quan điểm của ông B: Hôn nhân của anh H chị T do anh chị quyết định.

Ngày 21/11/2025, Tòa án nhân dân KV - Hưng Yên mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do anh H có đơn đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn giải quyết vụ án. Chị T và anh H đều đề nghị và có đơn đề nghị Toà án không phải hoà giải vì anh H hiện đang cư trú tại Đài Loan nên không thể tham gia hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Vũ Đức H đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV – Hưng Yên:

- Về điều luật: Căn cứ Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 238, 469 và Điều 477 BLTTDS; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị T, anh H.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Vũ Phạm Gia H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T nhưng được quyền đi lại, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu, anh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Vũ Đức H có HKTT tại xã H, tỉnh Hưng Yên đang học tập và công tác tại Đài Loan thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, đó là ý trí tự nguyện của chị T, anh H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Đức H có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên(nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 16/7/2018trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn khoảng 02 năm thì anh H ký hợp đồng xuất khẩu lao động tại Đài Loan thời hạn 03 năm, đến năm 2022 chị T cũng ký hợp đồng lao động và anh chị cùng lao động tại Công ty TNHH Doanh nghiệp Liên Hòa phát và chung sống với nhau. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, không chia sẻ được với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc, việc ai người đó làm, kinh tế độc lập. Đến tháng 7 năm 2025, chị T không ký tiếp hợp đồng nữa mà quyết định về Việt Nam. Anh H cũng không có ý kiến gì vì giữa anh chị không quan tâm đến mọi việc của nhau. Chị T và anh H đã sống ly thân. Anh H xác định cố gắng sống và lao động ở Đài Loan một vài năm nữa để tích lũy kinh tế để khi về có vốn làm ăn, phần vì thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn. Việc anh tiếp tục lao động tại Đài Loan mà chưa về Việt Nam anh cũng không bàn bạc gì với chị T, chị T cũng không có ý kiến gì. Anh H và chị T không quan tâm đến nhau và không liên lạc với nhau. Đến nay chị T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh H. Khi biết thông tin chị T yêu cầu ly hôn

với anh qua các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án gửi về gia đình. Anh H đã gửi văn bản trình bày ý kiến; Đơn đề nghị không tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt có chứng thực của Văn phòng Kinh tế - Văn Hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan(Trung Quốc) gửi qua dịch vụ bưu chính về cho mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị Đ. Chị T đã trực tiếp giao nộp cho Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên. Tại bản trình bày quan điểm ý kiến của anh H; Biên bản lấy lời khai của chị T. Chị T và anh H đều xác định vợ chồng không có tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau nên anh chị đều đồng ý ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, anh chị đều đồng ý ly hôn nên HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T, anh H.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Phạm Gia H1, sinh ngày 14/02/2020.

Xét thấy, hiện tại cháu H1 đang có cuộc sống ổn định với chị T. Chị T1 xác định về hẳn Việt Nam để nuôi dạy cháu H1. Như vậy, chị T có đủ điều kiện là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H1. Hơn nữa, cháu H1 còn quá nhỏ nên cần có sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ mới đảm bảo việc phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu. Do vậy, HĐXX sẽ giao cháu Vũ Phạm Gia H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Đối với yêu cầu của anh H: Hiện anh H đang cư trú tại Đài Loan. Với điều kiện cư trú và công việc hiện tại của anh H thì anh H không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Do đó, yêu cầu của anh H không được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này của chị T.

Anh H được quyền thăm nom, có nghĩa vụ và trách nhiệm chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật chị Phạm Thị T và anh Vũ Đức H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Chị T không yêu cầu, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn của chị T.

Chị Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

[6].Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV – Hưng Yên tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228;Điều 238, 271, 273,469, 477, 478 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Vũ Đức H.

- *Về con chung:*Chị Phạm Thị T và anh Vũ Đức H có 01 con chung là cháu Vũ Phạm Gia H1, sinh ngày 14/02/2020.

Giao cháu Vũ Phạm Gia H1 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom, có nghĩa vụ và trách nhiệm chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật chị Phạm Thị T và anh Vũ Đức H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Chị T không yêu cầu, anh H xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Phạm Thị T tự nguyện chịu 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0002395 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả chị Phạm Thị T 150.000đồng tiền tạm ứng án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơnđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND KV – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã H, tỉnh Hưng Yên
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh N